



zì zhòng

自重

noun / verb · self-respect; dead weight

Example Sentences

Zuò rén yào dǒng de zì zhòng

做人要懂得自重。

One must know how to have self-respect.

Zhè liàng kǎ chē de zì zhòng shì wǔ dūn

这辆卡车的自重是五吨。

The dead weight of this truck is five tons.

Tā shuō huà qīng fú wán quán bù gù zì zhòng

他说话轻浮，完全不顾自重。

He speaks frivolously, completely disregarding self-respect.

Trace each character, then write the word on your own.

自	自	自	自	自	自	自	自	自		
重	重	重	重	重	重	重	重	重	重	重
重										